

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

- Bản án số: **87/2024/DS-ST**
- Ngày 19 tháng 3 năm 2024
- V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Liễu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Thanh Tùng** (YT)
2. Ông **Phan Thanh Phương**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Huỳnh Thanh Tùng** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công - Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2023 về: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXX-ST ngày 05 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2024/QĐST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trương Ngọc O**, sinh năm 1981 (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp T X, xã L H, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang;

- Bị đơn: Ông **Trần Ngọc D**, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp GX, xã TTr, thị xã G C, tỉnh Tiền Giang.

Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN :

* *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trương Ngọc O trình bày:*

Vào ngày 29/10/2021, chị có cho ông D vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, trả tiền lãi hàng tháng, thời hạn vay 12 tháng. Khi vay tiền ông D có tự nguyện giao cho chị 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00403/GX/QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông cấp ngày 14/6/2004 cho ông D đứng tên để làm niềm tin đảm bảo cho việc trả lãi và vốn. Ông D cam kết nếu trả lãi và vốn không đúng như thoả thuận nêu trên thì sẽ tự nguyện sang tên và giao đất cho chị.

Sau khi vay tiền ông D có trả tiền lãi tổng cộng là 9.000.000 đồng rồi ngưng trả tiền lãi từ tháng 8 năm 2022 đến nay. Chị đã nhiều lần yêu cầu ông D trả tiền nhưng ông D có hẹn mà không thực hiện trả tiền.

Nay chị yêu cầu ông Trần Ngọc D trả cho chị số tiền vay vốn còn nợ là 50.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 29/10/2021 đến ngày khởi kiện 31/7/2023 với mức lãi suất là 1,66%/tháng thành tiền 50.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 21 tháng = 17.430.000 đồng trừ số tiền lãi đã trả 9.000.000 đồng = 8.430.000 đồng, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Chị sẽ tự nguyện giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D.

* Bị đơn ông Trần Ngọc D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh không đến dự phiên tòa cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc chị Trương Ngọc O khởi kiện. Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị Trương Ngọc O với ông Trần Ngọc D, địa chỉ ấp Gò Xoài, xã Tân Trung, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Ông Trần Ngọc D đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trương Ngọc O. Hội đồng xét xử nhận thấy:

+ Về số tiền vay:

Tại phiên tòa, chị O yêu cầu ông D trả cho chị số tiền vay vốn còn nợ là 50.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 29/10/2021 đến ngày khởi kiện 31/7/2023 với mức lãi suất là 1,66%/tháng thành tiền 50.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 21 tháng = 17.430.000 đồng trừ số tiền lãi đã trả 9.000.000 đồng, còn lại tiền lãi là 8.430.000 đồng, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Chị O nộp kèm theo đơn khởi kiện là giấy vay tiền ngày 29/10/2021 có chữ ký ông Trần Ngọc D ký vay của chị O số tiền 50.000.000 đồng.

Ông Trần Ngọc D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông

không đến dự phiên tòa cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến phản đối về việc khởi kiện của chị Trương Ngọc O.

Như vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự xác định ông Trần Ngọc D có vay và còn nợ chị Trương Ngọc O số tiền vốn gốc là 50.000.000 đồng nên có nghĩa vụ trả cho chị O là có căn cứ.

Chị O sẽ tự nguyện giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D nên ghi nhận.

+ Về số tiền lãi:

Xét thấy giao dịch vay tiền giữa chị O và ông D là vay có thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng nhưng theo chị O cho rằng từ khi vay cho đến nay ông D chỉ trả tiền lãi cho chị O với số tiền là 9.000.000 đồng nên nay chị O yêu cầu ông D trả tiền lãi từ ngày 29/10/2021 đến ngày khởi kiện 31/7/2023 với mức lãi suất là 1,66%/tháng thành tiền $50.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% / \text{tháng} \times 21 \text{ tháng} = 17.430.000 \text{ đồng}$ trừ số tiền lãi đã trả 9.000.000 đồng, còn nợ lại chị số tiền lãi là 8.430.000 đồng là phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

+ Về thời gian trả nợ:

Theo giấy vay tiền ngày 29/10/2021, chị O và ông D thỏa thuận thời hạn vay là 12 tháng sẽ trả lại toàn bộ số tiền vốn cho chị O nhưng đến nay chưa trả nên ông D đã vi phạm thời gian trả nợ, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị O nên cần buộc ông D trả cho chị O số tiền vay vốn còn nợ là 50.000.000 đồng và tiền lãi khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu của chị Trương Ngọc O là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

+ Về án phí: Ông Trần Ngọc D phải chịu án phí theo quy định pháp luật

Yêu cầu khởi kiện của chị Trương Ngọc O được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự
- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trương Ngọc O.

Buộc ông Trần Ngọc D có nghĩa vụ trả cho chị Trương Ngọc O số tiền vay vốn còn nợ là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi là 8.430.000 đồng (*Tám triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng*).

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trương Ngọc O trả lại ông Trần Ngọc D 01 (Một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00403/GX/QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông cấp ngày 14/6/2004 cho ông D đứng tên.

Thời gian thực hiện cùng lúc khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí:

- Ông Trần Ngọc D phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.921.500 đồng (Hai triệu chín trăm hai mươi một nghìn năm trăm đồng)

- Hoàn lại chị Trương Ngọc O số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.502.000 đồng (Một triệu năm trăm lẻ hai nghìn đồng) theo biên lai số 0027646 ngày 23/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND TXGC;
- C.C THADS TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN THỊ BÍCH LIỄU

